

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/KDTM-ST

Ngày: 30/01/2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mây.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5754/2025/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-KDTM ngày 12/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vận tải Lộc d.

Địa chỉ: g HoàngBAT Đat, phường Tân Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm, là đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

- Ông Phạm Thế Văn, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền 03/GUQ ngày 25/8/2025) - có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng qư - vắng mặt.

Địa chỉ: 5sQuốc lộ 22 (nay là đường Lê Quang Đạo), phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn ư, là đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

Địa chỉ: jđường Tam Tân, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Ngày 31/12/2024, các bên đã ký biên bản xác nhận công nợ thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 362.223.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ nhưng bị đơn không chịu trả tiền cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 362.223.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/01/2026 theo mức lãi suất 14,75%/năm là 57.672.848 đồng.

Bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận có nợ nguyên đơn số tiền gốc là 362.223.000 đồng. Do công việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên Bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thanh toán số tiền nợ trên trong thời hạn tính từ tháng 4/2026 đến hết tháng 12/2026.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 362.223.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/01/2026 theo mức lãi suất 14,75%/năm là 57.672.848 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về việc thanh toán tiền mua hàng hóa theo hợp đồng đã ký. Các đương sự là pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có trụ sở hoạt động tại khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Văn là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa; việc ủy quyền là hợp lệ nên được chấp nhận.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 (hai) nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về chứng cứ:

Tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”.

Tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Về yêu cầu trả tiền hàng còn nợ:

Căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ thực tế ngày 31/12/2024 thể hiện số tiền bị đơn còn nợ là 362.223.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 23/12/2025, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nêu trên. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết không phải chứng minh. Bị đơn trình bày do kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần trong thời hạn 12 tháng nhưng từ tháng 01/2026 đến hết tháng 4/2026 bị đơn không trả khoản tiền nào mà sẽ trả từ tháng 5/2026 đến tháng 12/2026 nhưng nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn. Xét bị đơn đã chiếm dụng vốn của nguyên đơn đã lâu, việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc còn nợ là 362.223.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.2] Về số tiền lãi:

Tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 quy định:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”.

Căn cứ theo nội dung án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xác định mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất 03 ngân hàng tại địa phương để tính lãi chậm thanh toán.

Tòa án đã tham khảo biểu lãi suất cho vay của ít nhất 03 ngân hàng tại địa phương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam. Theo đó lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng nêu trên là: $(9,5\%/năm + 9,5\%/năm + 10,5\%/năm)/3 \times 150\% = 14,75\%/năm$.

Như vậy, yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 14,75%/năm của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tạm tính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/01/2026, số tiền lãi chậm trả đối với số tiền bị đơn còn nợ là 362.223.000 đồng x 12 tháng 29 ngày x 14,75% = 57.672.848 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2022;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Vận tải Lộc Thanh Bình.

1.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Vạn Kim phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho nguyên đơn, số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/01/2026 là: 419.895.848 (bốn trăm mười chín triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó, nợ gốc là 362.223.000 (ba trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi ba) đồng và lãi là 57.672.848 (năm mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi tám) đồng.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 306 của Luật thương mại.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 20.795.834 (hai mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi tư) đồng, bị đơn chịu.

2.2. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 10.206.524 (mười triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm hai mươi tư) đồng theo Biên lai số 0032587 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và năm 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 7, Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký